

**TOÀ ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 2 - QUÂN KHU 3**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 07-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 - QUÂN KHU 3

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Vũ Tuấn Hai

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Trịnh Văn Thành

4/ Phạm Tất Thắng.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Bùi Đức Tùng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 3.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 32 tham gia phiên tòa: 2// Đinh Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại Trại tạm giam Quân khu 3, Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn C, tên gọi khác: Không, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1976 tại xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm H, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Quách Thị R; có vợ là Phạm Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/3/2017 bị Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 04/7/2019 đến ngày 07/7/2019, “Tạm giam” từ ngày 07/7/2019 đến ngày 11/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” từ ngày 11/7/2019 đến nay, “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 11/7/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

2. Bùi Thanh Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1997 tại xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm TH2, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh P và bà Bùi Thị B; có vợ là Bùi Thị L, bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử và tuyên phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Vi phạm trên

đã được xóa và coi như chưa vi phạm; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 10/4/2019 đến ngày 19/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/4/2019 đến nay, “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

3. Phạm Quốc T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1977 tại xã ĐPh, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn PT, xã ĐP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc B (đã chết) và bà Vũ Thị M; có vợ là Đinh Thị Lan P và 02 con, con lớn đã trưởng thành, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 07/6/2019 đến ngày 24/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” từ ngày 24/6/2019 đến nay, “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 24/6/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

4. Bùi Văn P, tên gọi khác: Không, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1990 tại xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm TH1, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P và bà Đinh Thị H; có vợ là Bùi Thị D và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 10/4/2019 đến ngày 19/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/4/2019 đến nay, “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

5. Bùi Văn K, tên gọi khác: Không, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1991 tại xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: XO, xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Bùi Thị V; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 10/4/2019 đến ngày 19/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/4/2019 đến nay, “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

6. Bùi Hồng T1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1994 tại xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm TH2, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức K và bà Bùi Thị C; có vợ là Bùi Thị Th và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/4/2019 đến nay, “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

7. Phạm Thái H, tên gọi khác: Không, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1986 tại xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm O, xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Trịnh Thị H; có vợ là Bùi Thị L (đã ly hôn), chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 19/4/2019 đến nay, "Tạm hoãn xuất cảnh" từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

8. Bùi Văn T2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1980 tại xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm O, xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H (đã chết) và bà Đinh Thị H; có vợ là Bùi Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/11/2008 bị Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản". Vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 19/4/2019 đến nay, "Tạm hoãn xuất cảnh" từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

9. Bùi Văn C1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1965 tại xã HL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm R, xã HL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức H (đã chết) và bà Bùi Thị Th (đã chết); có vợ là Quách Thị L và 02 con đều đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/8/1999 bị Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc". Vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" từ ngày 19/6/2019 đến ngày 22/6/2019, bị "Tạm giam" từ ngày 22/6/2019 đến ngày 18/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" từ ngày 18/7/2019 đến nay, "Tạm hoãn xuất cảnh" từ ngày 18/7/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

10. Bùi Văn H1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1986 tại xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: S350, QK3; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 2/ (QNCN), nhân viên Ban T - K, Phòng H, S350, QK3; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân H và bà Đinh Thị N; có vợ là Trần Hồng N và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 17/7/2019 đến nay; Có mặt.

11. Bùi Tuấn H2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1997 tại xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm O, xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Bùi Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành

chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 19/4/2019 đến nay, "Tạm hoãn xuất cảnh" từ ngày 19/4/2019 đến ngày 19/8/2019; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn C1*: Ông Bùi Quang N - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Bùi Văn R; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn H1 công tác tại S350, QK3; Bùi Văn K, Bùi Văn P, Bùi Thanh Đ, Bùi Tuấn H2, Bùi Hồng T1, Bùi Văn T2, Phạm Thái H, Bùi Văn C1, Bùi Văn C đều trú tại huyện YT, tỉnh Hòa Bình và Phạm Quốc T trú tại huyện NQ, tỉnh Ninh Bình có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2019, Đ, T1, C, H1, C1, T, T2, K và H2 đến nhà ông Bùi Văn R trú tại xóm TH2, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình chơi. Trong lúc ngồi uống nước, C nói "Làm tý nhí" ý là rủ mọi người đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền, tất cả đều đồng ý. Đ cầm kéo ở bàn uống nước nhà ông R cắt vỏ bao thuốc lá Thăng Long thành 04 quân vị, do Đ cắt xấu nên C cắt sửa lại. C hỏi mượn ông R bát đĩa, ông R không nói gì mà chỉ tay xuống gầm bàn chỗ C ngồi, C cầm bát đĩa bỏ lên mặt bàn. Thấy mọi người có ý định đánh bạc nên ông R nói "Không được đánh ở đây, nhà có nhiều người qua lại". Nghe ông R nói vậy, C nói với mọi người "Vào trong kia chơi cho mát". C cầm bát, đĩa, quân vị cùng mọi người đi bộ vào vườn xoan, khu vực ĐK, xóm TH2 để đánh bạc. Trước khi đánh bạc, mọi người thống nhất về luật chơi như sau: Người chơi đặt tiền cửa "chẵn", "lẻ" chơi với nhau, không có nhà cái (tức là người xóc cái cũng tham gia chơi như mọi người) mức đặt cửa tối thiểu là 50.000 đồng một ván, tối đa không giới hạn, T là người xóc cái và cân đối số tiền cửa "chẵn", "lẻ" cho ngang bằng nhau. Khi mọi người đang đánh bạc thì H1 đến, sau đó H và P đến cùng tham gia đánh bạc. Thấy mọi người đánh bạc trên nền đất, P lấy chiếc chiếu cói cũ ở bụi cây gần đó trải ra để mọi người ngồi tiếp tục đánh bạc. Mọi người đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 8.200.000 đồng, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn và 01 chiếc chiếu cói. Đ, K và P bị bắt tại hiện trường, thu giữ trên người K 2.090.000 đồng, trên người P 2.000.000 đồng. C, C1, T1, T2, H2, H, T và H1 bỏ chạy. Ngày 11/4/2019, T1, T2, H2 và H đến Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình đầu thú; T1 giao nộp 600.000 đồng, H2 giao nộp 150.000 đồng, H giao nộp 150.000 đồng, T2 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA X1. Ngày 04/7/2019, C đến Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình đầu thú. Tất cả số tiền thu giữ đều được sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình tiếp tục khởi tố bị can đối với T, C1, C và H1 về hành vi đánh bạc nêu trên. Như vậy tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc ngày 10/4/2019 là 13.190.000 đồng.

Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình lập hồi 15 giờ ngày 10/4/2019 có nội dung: Khoảng 15 giờ ngày 10/4/2019, Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại xóm TH2, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình. Thu giữ trên chiếu bạc 8.200.000 đồng, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá và 01 chiếc chiếu cói. Khi bắt giữ, bắt được 03 đối tượng là Bùi Văn K, Bùi Văn P và Bùi Thanh Đ, một số đối tượng còn lại bỏ chạy khỏi hiện trường.

Lời khai của bị cáo Bùi Văn C tại phiên tòa có nội dung: Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2019, tôi và H1 đến nhà ông R ở xóm TH2, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình chơi và có gặp Đ, T1, T, C1, T2, K và H2, trong lúc ngồi uống nước tôi nói “Làm tý nhĩ” ý là rủ mọi người chơi xóc đĩa ăn tiền, mọi người đồng ý. Đ cầm kéo ở bàn uống nước nhà ông R cắt vỏ bao thuốc lá Thăng Long thành 04 quân vị, do Đ cắt xấu nên tôi cắt sửa lại. Tôi hỏi ông R cho mượn bát đĩa, ông R không nói gì mà chỉ tay xuống gầm bàn chỗ tôi ngồi, tôi cầm bát đĩa bỏ lên mặt bàn. Một lúc sau, tôi cầm bát, đĩa, quân vị cùng mọi người đi bộ vào vườn xoan, khu vực ĐK, xóm TH2 đánh bạc. Khi bắt đầu đánh bạc có 08 người (tôi, T, C1, Đ, T1, T2, K và H2), sau đó có H1, H và P đến cùng tham gia đánh bạc. Khi đánh bạc tôi có 350.000 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình phát hiện bắt quả tang, tôi bỏ chạy. Ngày 04/7/2019, tôi đến Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình đầu thú.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo H1, K, P, Đ, T2, H2, T1, H1, T và C1 khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2019, tại nhà ông R, C rủ mọi người chơi xóc đĩa ăn tiền, Đ và C cắt quân vị. C mượn và cầm bát, đĩa, quân vị cùng mọi người vào khu vực ĐK, xóm TH2, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình để đánh bạc. T là người xóc cái và cân đối số tiền hai cửa cho mọi người chơi đánh bạc. Khi P đến, thấy mọi người đánh bạc trên nền đất nên lấy chiếc chiếu cói cũ ở bụi cây gần đó trải ra cho mọi người chơi tiếp. Trước khi đánh bạc, T có 2.900.000 đồng, Đ có 2.010.000 đồng, P có 2.000.000 đồng, K có 2.000.000 đồng, T1 có 1.200.000 đồng, H có 1.200.000 đồng, T2 có 800.000 đồng, C1 có 300.000 đồng, H1 có 280.000 đồng và H2 có 150.000 đồng. Tất cả số tiền trên các bị cáo để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc có lúc thắng, lúc thua các bị cáo không nhớ cụ thể. Khi Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình bắt quả tang, Đ, K, P bị bắt tại hiện trường, các bị cáo còn lại bỏ chạy. Ngoài số tiền và vật chứng thu giữ trên chiếu bạc, cơ quan Công an còn thu giữ trên người K 2.090.000 đồng, trên người P 2.000.000 đồng. Ngày 11/4/2019, T1, T2, H2 và H đến Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình đầu thú, T1 giao nộp 600.000 đồng, H2 giao nộp 150.000 đồng, H giao nộp 150.000 đồng, đây là số tiền các bị cáo mang đi với mục đích sử dụng vào việc đánh bạc; T2 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA X1. T, C1 và H1 cũng bị khởi tố bị can về hành vi đánh bạc ở trên.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSKV32 ngày 05 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 32 đã truy tố các bị cáo C, T, Đ, P, K, T1, H, T2, C1, H1, H2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo C, T, Đ, P, K, T1, H, T2, C1, H1 và H2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và kết luận: Các bị cáo có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 13.190.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn C, Phạm Quốc T, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Văn K, Bùi Hồng T1, Phạm Thái H, Bùi Văn T2, Bùi Văn C1, Bùi Văn H1, Bùi Tuấn H2 phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên phạt các bị cáo:

+ Bùi Văn C từ 15 tháng đến 17 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2019 đến 11/7/2019 (tương ứng 21 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Văn C còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là từ 14 tháng 9 ngày đến 16 tháng 9 ngày.

+ Phạm Quốc T từ 13 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 7/6/2019 đến 24/6/2019 (tương ứng 01 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Phạm Quốc T còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là từ 11 tháng 6 ngày đến 13 tháng 6 ngày.

+ Bùi Hồng T1 từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Phạm Thái H từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Bùi Văn T2 từ 9 tháng đến 11 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên phạt các bị cáo:

+ Bùi Thanh Đ từ 14 tháng đến 16 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/4/2019 đến 19/4/2019 (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Thanh Đ còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là từ 13 tháng 03 ngày đến 15 tháng 03 ngày.

+ Bùi Văn P từ 12 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/4/2019 đến 19/4/2019 (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Văn P còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là từ 11 tháng 03 ngày đến 13 tháng 03 ngày.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên phạt các bị cáo:

+ Bùi Văn K từ 11 tháng đến 13 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/4/2019 đến 19/4/2019 (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Văn K còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là từ 10 tháng 03 ngày đến 12 tháng 03 ngày.

+ Bùi Văn C1 từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2019 đến 18/7/2019 (tương ứng 02 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Văn C1 còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là từ 05 tháng 03 ngày đến 07 tháng 03 ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Bùi Văn C, Phạm Quốc T, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Văn K, Bùi Hồng T1, Phạm Thái H, Bùi Văn T2, Bùi Văn C1 tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Hồng T1 cho Ủy ban nhân dân xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Bùi Văn K, Phạm Thái H, Bùi Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Bùi Văn C1 cho Ủy ban nhân dân xã HL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

Xem xét điều kiện gia đình các bị cáo Bùi Văn C, Phạm Quốc T, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Văn K, Bùi Hồng T1, Phạm Thái H, Bùi Văn T2, Bùi Văn C1 hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Bùi Văn H1 số tiền từ 23.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Bùi Tuấn H2 số tiền từ 22.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại NOKIA X1 của bị cáo T2. Quá trình truy tố, xác định chiếc điện thoại trên không sử dụng vào mục đích đánh bạc, vì vậy Viện kiểm sát quân sự Khu vực 32 đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp ngày 03/9/2019, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc kéo bị cáo Đ dùng để chuẩn bị công cụ vào việc đánh bạc là của ông Bùi Văn R, tuy nhiên chiếc kéo trên đã mất, quá trình điều tra Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 5 - Quân khu 3 đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 13.190.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, sung ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa bằng sứ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là của ông Bùi Văn R, ông R không biết các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và không nhận lại tài sản trên, xét thấy các tài sản trên giá trị sử dụng không đáng kể, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 04 quân vị hình tròn là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc cối là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo C, T, Đ, P, K, T1, H, T2, H1, H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với bị cáo C1 là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo C1 theo quy định tại Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo C1 đều đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, các bị cáo ân hận về những sai phạm của mình đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu và các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 10/4/2019, tại vườn xoan, khu vực ĐK, xóm TH2, xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình, Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình bắt quả tang Bùi Văn C, Phạm Quốc T, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Văn K, Bùi Hồng T1, Phạm Thái H, Bùi Văn T2, Bùi Văn C1, Bùi Văn H1 và Bùi Tuấn H2 đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 13.190.000 đồng. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc”, lời luận tội và kết luận của Kiểm sát viên về các nội dung cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo thực hiện đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo C, T, K, H, T1, T2, C1, H2 và H1 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T1, H, T2, H2 sau khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã đến Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đầu thú theo các biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 11/4/2019; Bị cáo C sau khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã đến Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình đầu thú theo biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 04/7/2019 nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có bố đẻ là ông Phạm Quốc B được Nhà nước tặng Danh hiệu Huy chương Kháng chiến Hạng Nhì và Huân chương Chiến sỹ Giải phóng Hạng Ba, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H1 năm 2008 được trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, năm 2012 được Phòng H, S350, QK3 tặng danh hiệu Chiến

sĩ tiên tiến cũng là căn cứ Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt. Tất cả các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong lúc gặp nhau tại nhà ông Bùi Văn R các bị cáo đã nảy sinh ý định chơi xóc đĩa được thua bằng tiền, không có bàn bạc, chuẩn bị trước, tất cả đều là người thực hành. Xem xét diễn biến nội dung vụ án Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo C là người khởi xướng, rủ các bị cáo đánh bạc và cùng bị cáo Đ chuẩn bị công cụ để đánh bạc, bản thân bị cáo đã bị một lần xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được xóa và coi như chưa vi phạm nên C là người chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ này.

Đối với bị cáo Đ đã cùng bị cáo C chuẩn bị công cụ để đánh bạc, dùng 2.010.000 đồng để đánh bạc, bản thân bị cáo đã một lần phạm tội, tuy nhiên đã được xóa coi như chưa vi phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo C.

Đối với bị cáo T là người xóc cái và cân đối số tiền của “chẵn”, “lẻ” cho ngang bằng nhau, tham gia đánh bạc ngay từ đầu và dùng 2.900.000 đồng để đánh bạc, bản thân bị cáo chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật nên phải chịu trách nhiệm hình sự bằng bị cáo Đ.

Đối với bị cáo P sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, bản thân bị cáo đã một lần phạm tội nhưng đã được xóa án tích coi như chưa vi phạm nên phải chịu trách nhiệm sau bị cáo T.

Đối với bị cáo K sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, bản thân bị cáo chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật nên phải chịu trách nhiệm sau bị cáo P.

Đối với bị cáo T1 và bị cáo H đều sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, bản thân các bị cáo chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau và sau bị cáo K.

Đối với bị cáo T2 sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, bản thân bị cáo đã một lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được xóa và coi như chưa vi phạm nên phải chịu trách nhiệm sau bị cáo T1 và H.

Đối với bị cáo C1 sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, bản thân bị cáo đã một lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được xóa và coi như chưa vi phạm nên phải chịu trách nhiệm sau bị cáo T2.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo C, T, Đ, P, K, T1, H1, T2, C1, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, việc không cách ly các bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến trật tự, an toàn, xã hội. Căn cứ vào mục đích hình phạt, cũng như yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Xem xét điều kiện gia đình các bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo theo

quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo trên.

Đối với bị cáo H1 sử dụng 280.000 đồng để đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo C1. Bị cáo H2 sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm sau bị cáo H1, bản thân các bị cáo chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo H1, H2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo H1, H2 cũng đủ răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại NOKIA X1 của bị cáo T2. Quá trình truy tố, xác định chiếc điện thoại trên không sử dụng vào mục đích đánh bạc, vì vậy Viện kiểm sát quân sự Khu vực 32 đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp ngày 03/9/2019 là đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc kéo bị cáo Đ dùng để chuẩn bị công cụ vào việc đánh bạc của ông Bùi Văn R, tuy nhiên chiếc kéo trên đã mất, quá trình điều tra Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 5 - Quân khu 3 đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 13.190.000 đồng, Hội đồng xét xử tịch thu, sung ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa bằng sứ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là của ông Bùi Văn R, ông R không biết các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và không nhận lại tài sản trên, xét thấy các tài sản trên giá trị sử dụng không đáng kể, do vậy Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 04 quân vị hình tròn là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng, do vậy Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc cối là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng, do vậy Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đặc điểm tài sản và các vật chứng theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10/4/2019, các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu các ngày 10, 11, 14/4/2019; biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền ngày 18/9/2019.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội, Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo C, T, Đ, P, K, T1, H1, T2, H1, H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với bị cáo C1 là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do vậy, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo C1 theo quy định tại Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn C, Phạm Quốc T, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Văn K, Bùi Hồng T1, Phạm Thái H, Bùi Văn T2, Bùi Văn C1, Bùi Văn H1, Bùi Tuấn H2 phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

+ Bùi Văn C 17 (mười bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2019 đến 11/7/2019 (tương ứng 21 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Văn C còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 16 (mười sáu) tháng 09 (chín) ngày.

+ Phạm Quốc T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 7/6/2019 đến 24/6/2019 (tương ứng 01 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Phạm Quốc T còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 13 (mười ba) tháng 06 (sáu) ngày.

+ Bùi Hồng T1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Phạm Thái H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Bùi Văn T2 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

+ Bùi Thanh Đ 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/4/2019 đến 19/4/2019 (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Thanh Đ còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 15 (mười lăm) tháng 03 (ba) ngày.

+ Bùi Văn P 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/4/2019 đến 19/4/2019 (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Văn P còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 13 (mười ba) tháng 03 (ba) ngày.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

+ Bùi Văn K 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/4/2019 đến 19/4/2019 (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Văn K còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 12 (mười hai) tháng 03 (ba) ngày.

+ Bùi Văn C 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2019 đến 18/7/2019 (tương ứng 02 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Bùi Văn C còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 07 (bảy) tháng 03 (ba) ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Bùi Văn C, Phạm Quốc T, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Văn K, Bùi Hồng T1, Phạm Thái H, Bùi Văn T2, Bùi Văn C1 tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Hồng T1 cho Ủy ban nhân dân xã PL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Bùi Văn K, Phạm Thái H, Bùi Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã YL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Bùi Văn C1 cho Ủy ban nhân dân xã HL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Tuấn H2 số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự phải tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 13.190.000 (mười ba triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa bằng sứ và 04 quân vị hình tròn.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc cối.

Đặc điểm tài sản và các vật chứng theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10/4/2019, các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu các ngày 10, 11, 14/4/2019; biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền ngày 18/9/2019.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo Bùi Văn C, Phạm Quốc T, Bùi Thanh Đ, Bùi Văn P, Bùi Văn K, Bùi Hồng T1, Phạm Thái H, Bùi Văn T2, Bùi Văn H1, Bùi Tuấn H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn C1.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/10/2019) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 3./.

Nơi nhận:

- Tòa án quân sự Trung ương;
- Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3;
- Viện kiểm sát quân sự khu vực 32;
- Cơ quan ĐTHS Khu vực 5 Quân khu 3;
- Phòng Thi hành án Quân khu 3;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện YT, tỉnh Hòa Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện NQ, tỉnh NB;
- Ủy ban nhân dân xã PL, xã YL, xã ĐP, xã HL;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu tiêu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

4/ Vũ Tuấn Hai